TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 745/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 26 tháng 10 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 826/2023/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2023, về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", giữa:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Ngọc G, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: 100 Triệu Quang P, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: 100 Triệu Quang P, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Ngô Thị Ngọc G và anh Nguyễn Văn C (chị G, anh C đăng ký kết hôn ngày 14/4/2000, số 08 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Ph, tỉnh Thừa Thiên Huế).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: cháu Nguyễn Minh C1, sinh ngày 27/4/2000 và cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 03/5/2007. Hai bên thỏa thuận giao cháu Anh T cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Minh C đã trưởng thành nên các bên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng khi ly hôn.

Anh C được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Các bên trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về Án phí: Án phí ly hôn: Chị Ngô Thị Ngọc G tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ.

Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị G đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001058 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, chị G được nhận lại 150.000đ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS TP. Huế;
- UBND xã Đ, huyện Ph, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Lưu: HSVA, HNGĐ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Tú